

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 442/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Tổ 3, ấp B, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2018; bản tự khai ngày 16 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy An trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị T và ông Lê Văn Q chung sống trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62, Quyền số 01/2012, ngày 27/9/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất được với nhau về mọi việc. Bà A và ông Q đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không hòa hợp được nên từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Q.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 09/02/2012 và Lê Văn K, sinh ngày 27/4/2013. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn K; ông Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn H. Bà A và ông Q không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/10/2018 ông Lê Văn Q trình bày: Ông Quan đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên. Trước yêu cầu khởi kiện của bà A thì ông Q có ý kiến như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Văn Q đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Thúy A.

+ *Về con chung*: Ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn H, bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn K; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Q nhiều lần để hòa giải nhưng ông Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông Q trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, cụ thể như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Lê Văn Q.

+ *Về con chung*: Do bà Trần Thị T hiện đang nuôi con chung tên Lê Văn K; ông Lê Văn Q hiện đang nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông bà Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn K, ông Lê Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Văn H.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Lê Văn Q vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn Q chung sống trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62, Quyền số 01/2012, ngày 27/9/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất được với nhau về mọi việc. Bà A và ông Q đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không hòa hợp được nên từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã ly thân. Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn thì bị đơn ông Lê Văn Q cũng đồng ý ly hôn.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 09/02/2012 và Lê Văn K, sinh ngày 27/4/2013. Khi ly hôn bà Trần Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn K; ông Lê Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn H; bà An và ông Q không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Q đồng ý yêu cầu của bà A. Xét thấy ý kiến của các đương sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Lê Văn Kiệt, sinh ngày 27/4/2013 cho bà Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con

chung tên Lê Văn H, sinh ngày 09/02/2012 cho ông Lê Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Trần Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Lê Văn Q.

2. Bà Trần Thị Thúy A được ly hôn với ông Lê Văn Q.

3. Về con chung: Giao con chung tên Lê Văn K, sinh ngày 27/4/2013 cho bà Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 09/02/2012 cho ông Lê Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Trần Thị T và ông Lê Văn Q đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án

có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014416 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bà Trần Thị T không phải nộp thêm.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- THADS (01);
- UBND xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền